

TƯ LIỆU

TƯỚNG PENNEQUIN (1849-1916) “NGƯỜI BẢN ĐỊA” VÀ TÔNG ĐỒ CỦA QUÂN ĐỘI DA VÀNG*

Nguyên tác: Colonel Maurice RIVES**

Người dịch, bổ chú: Hoàng Ứng Huyền

Nguyễn Bá Dũng***

Théophile Pennequin được sinh ra tại Toulon ngày Giáng sinh năm 1849. Sau thời gian học tập xuất sắc tại trường trung học thành phố này, năm 1868, ông được nhận vào Trường Quân sự Hoàng gia Đặc biệt (École Impériale Spéciale Militaire) Saint-Cyr trong lớp “Suez”.⁽¹⁾ Kết thúc khóa học, ông là một “sĩ quan xếp bậc cuối lớp”, bậc 266 trên tổng số 275 học viên. Thứ hạng thấp này buộc ông phải phục vụ trong thủy quân lục chiến, một lực lượng bị đánh giá thấp vào thời kỳ đó.

Viên Sĩ quan trẻ

Ngày 15/7/1870, Thiếu úy Pennequin gia nhập Trung đoàn bộ binh thủy quân lục chiến (RIM) số 4; Ngay khi đến nơi, ông cùng trung đoàn được bố trí ở Trại Chalons. Khi chiến tranh giữa Pháp và Phổ – được các tiểu quốc Đức hỗ trợ – nổ ra, ông đã chiến đấu tại Mouzon, Doucy và Bazeilles, nơi ông bị bắt ngày 01/9 [1870]. Ông đã thể hiện một hình ảnh tốt đẹp trong những trận chiến đẫm máu này. Sau khi bị giam giữ tại Pháo đài Ingolstadt, ông được thả ngày 11/4/1871.

Sau đó, ông phục vụ tại Toulon và Cayenne [thủ phủ Guyane, Nam Mỹ], nơi ông cảm thấy buồn chán. Ít nhiệt tình trong công việc, ông thường bị phạt vì thiếu nghiêm túc, tác phong không đúng, không tuân thủ các quy định hoặc khinh suất. Ông cũng từng bị trừng phạt vì hướng dẫn một phân đội tập bắn mà quên giao

* Nguồn: Le général Pennequin (1849-1916) – “Indigénophile” et apôtre de l’armée jaune, *Bulletin de l’ANAI* du 3^{ème} trimestre 2000, pp. 4-9. Tham khảo: http://www.anapi.asso.fr/SITEANAI/www.anai-asso.org/NET/document/mission_et_conquete/conquete/pennequin/index.html.

** Mauritius Rives (?/ ?/ 1924 - 6/1/2020): Đại tá, sử gia người Pháp. Ông tham gia kháng chiến chống Đức từ năm 1944, Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất tại Bắc Bộ và sau đó rời Lào với nhiều vết thương với quân hàm thiếu úy. Binh nghiệp của ông sau đó được tiếp tục tại Algérie và châu Phi cho tới lúc nghỉ hưu. Từ đó, ông cống hiến hết mình cho lịch sử của các đơn vị lính là người châu Phi ở Malagasy hay Đông Dương mà đã hoàn toàn bị lãng quên trong ký ức tập thể nước Pháp. Tác phẩm: *Héros méconnus / Những anh hùng thầm lặng* (Rives M., Dietrich R., Paris: Frères d’armes 1990) được coi là một tác phẩm tham khảo về lịch sử của các đơn vị lính tập châu Phi; và *Les lính tập: histoire des militaires indochinois au service de la France, 1859-1960 / Lính tập: lịch sử lính Đông Dương phục vụ Pháp, 1859-1960* (Rives M., Deroo E. et Pineau F., Paris: Lavauzelle, DL 1999). Ông cũng viết khoảng 60 bài báo về lịch sử quân sự Đông Dương từ năm 1859 đến năm 1899.

*** Hà Nội.

đạn cho họ. Một trong những “lý do” này được “khoác” lên ông bởi bạn cùng lớp [Joseph] Gallieni,⁽²⁾ người đã trở thành cấp trên của ông. Tuy nhiên, điều đó không làm thay đổi tình bạn giữa hai sĩ quan.



Hình 1: Tiểu đoàn trưởng Pennequin khi trở về từ Madagasca (1886).

Năm 1877, được bổ nhiệm vào một tiểu đoàn thuộc RIM 4⁽³⁾ đóng tại Nam Kỳ, ông đến Sài Gòn và được điều chuyển đến Đại đội có nhiệm vụ bảo vệ Lãnh sự quán Pháp tại Hà Nội, ông đến “Tong-King” [Bắc Kỳ]. Nhượng địa của Pháp bên bờ Sông Hồng khá nhỏ: một doanh trại nhỏ, một bệnh viện và một ngôi nhà kiểu Trung Hoa với một tấm biển bầu dục lớn ghi “**Résidence de France - Chancellerie**”⁽⁴⁾ (“Trú sứ Pháp - Sứ quán”). Cụm nhà này thường bị quân Cờ Đen bao vây ban đêm bằng những tiếng hò hét đe dọa chống Pháp. Cuộc sống ở đây thật khắc khổ nhưng may mắn thay “Thức ăn thật là tuyệt hảo, và bà vợ của người quản lý Lãnh sự quán, Le Jumeau Kergaradec – người phụ nữ châu Âu duy nhất của thành phố – quả thật là một giai nhân!”

Năm 1879, Pennequin tới Ben Trê [Bến Tre] để nắm quyền chỉ huy Đại đội 5 RTA [Régiment de Tirailleurs Annamites: Trung đoàn Lính tập Nam Kỳ] mới thành lập. Ông thực hiện nhiệm vụ bằng tấm lòng cởi mở, quan tâm đến lính và học tiếng An Nam. Đặc biệt, ông cố gắng đào tạo viên thiếu úy bản xứ, Nguyễn Văn Thiệt [Nguyễn Văn Thiệt], người rất tận tụy với ông. Vào giai đoạn này, những thói lạ của ông làm cả thuộc địa ngạc nhiên. “Ông ấy đã phung phí tất cả sức lực của cơ thể và sự mềm mỏng của tâm trí trong những bữa tiệc vui vẻ; công việc cá nhân thì lộn xộn một cách khó tin; ngoài ra, ở ông toát ra sự vô ý thức tuyệt đối về giá trị tiền bạc, đôi khi không một xu dính túi.”

Sau một thời gian ngắn ở mẫu quốc và trở thành Đại úy, Pennequin được bổ nhiệm phục vụ tại Nossi-Bé rồi Diégo-Suarez [đều thuộc Madagascar].⁽⁵⁾ Năm 1883, ông được giao nhiệm vụ thành lập một Đại đội lính tập (tirailleurs) người Sakalava;⁽⁶⁾ kết hợp với người Comor và người Zanzibar hình thành nên một đơn vị gọi là “Mũ (casque) đen”, [để] sớm tham gia chống lại quân đội Hova.⁽⁷⁾ Cựu binh Bazeilles đã nhận được những người tốt nhất và ông cũng tự khẳng định mình là một chiến binh xuất sắc. Vì vậy, cùng 20 lính bản địa tiến quân trong vùng đầm lầy đầy cá sấu, ông đã gây bất ngờ và phá hủy một đồn địch. Sự táo bạo của ông xứng đáng với Huân chương Bắc Đẩu Bội tinh hạng Năm (Chevalier de la Légion

d'honneur); Đô đốc chỉ huy Hải đội Biển Ấn Độ⁽⁸⁾ đã không tiếc lời khen ngợi ông. Ngày 27/8/1885, được bổ nhiệm chỉ huy tiểu đoàn, chỉ có 120 quân, ông đã đánh bại một lữ đoàn Hova 12.000 người do [Đại tá lính đánh thuê] người Anh [Saint-Léger] Shervington chỉ huy, tại Andampy.⁽⁹⁾ Ông bị thương và được tặng Bắc Đẩu Bội tinh hạng Tư (Officier de la Légion d'honneur). Những chiến công này mang lại cho ông danh tiếng lớn trong cư dân vùng tây Đảo Lớn [tức Madagascar].

Cũng vào thời điểm này, ông đã vượt sang một tinh thần không phù hợp; ví dụ, ông chụp ảnh tất cả người Sakalava trong khóa đào tạo của mình nhằm dễ dàng tìm thấy họ hơn trong trường hợp họ đào ngũ. Cấp trên đóng tại Réunion cho rằng ông sở hữu những phẩm chất đáng quý trong các chiến dịch, nhưng không đạt yêu cầu khi đồn trú. Hơn nữa, họ còn coi ông “không phù hợp chỉ huy tiểu đoàn và thể hiện một kiểu cách đôi chút tầm thường”.

Mười hai Châu Thái (Sip Song Châu Thai)⁽¹⁰⁾

Được phủ hào quang bởi các hoạt động ở Madagascar, năm 1888, Chỉ huy Tiểu đoàn Pennequin đã nhận được một nhiệm vụ rất phức tạp từ Tướng [Charles Auguste Frédéric] Bégin, Tổng tư lệnh Quân đội Đông Dương – là “Phó Công sứ tỉnh quân quản ở thượng nguồn Sông Đà và vùng đất Mường”; ông phải bình định vùng đất loạn lạc này. Ngoài ra, ông sẽ hỗ trợ Auguste Pavie,⁽¹¹⁾ Phó Lãnh sự Luang Prabang trong thời gian ông ta lưu lại vùng các xứ Thái.

Khu vực mà ông được giao phó lớn hơn nước Bì⁽¹²⁾ và là ngã tư kết nối giữa Miến Điện, Trung Quốc, Đồng bằng Bắc Kỳ và Lào. Đây là nơi sinh sống của 350.000 cư dân hình thành từ khoảng 30 nhóm dân tộc nói nhiều phương ngữ bản địa và nói chung là không ưa nhau. Vùng đất này đang trong vòng kiểm tỏa của tình trạng vô chính phủ. Người An Nam – được coi là người quản lý vùng đất từ khi còn là Trấn (nguyên văn: Phu) Hưng Hóa – mặc dù chỉ hiện diện khoảng 2% dân số nhưng tầm quan trọng trong xã hội của họ ngược lại với độ cao nơi họ cư trú.⁽¹³⁾ Tháng 5/1884, thân phận chư hầu của triều đình Huế đối với Thiên triều [Trung Hoa] (Celestial Empire) đã bị bãi bỏ, nhưng người Hoa không muốn di tản khỏi lãnh thổ; thuật ngữ biên giới theo nghĩa châu Âu không tồn tại. Một đám lớn phe phái đối đầu nhau và các băng đảng Cờ Vàng, Cờ Đen và Cờ Đỏ,⁽¹⁴⁾ thậm chí cả quân đội chính quy Trung Quốc không được trả lương, đang chia cắt vùng đất này. Các thủ lĩnh đảng cướp là người cai trị, chẳng hạn như người Hoa Lu Vĩnh Phúc [Luu Vĩnh Phúc]⁽¹⁵⁾ – có biệt danh theo cách gọi của bộ binh thủy quân lục chiến là “con hải cẩu già” – hay người Thái Trắng Dẻo Van Tri [Đèo Văn Tri].⁽¹⁶⁾ Đèo Văn Tri – con nuôi của Luu Vĩnh Phúc – năm 1885 đã chỉ huy ba đại đội người đồng tộc, vây hãm Tuyên Quang. Hai năm sau, ông ta đã cướp phá sạch Luang Prabang, thủ đô yên bình của vị vua già Oun Kham.⁽¹⁷⁾ Những Talahé⁽¹⁸⁾ (hoặc các thủ lĩnh

băng đảng) chỉ huy các toán quân trang bị súng trường bắn nhanh (de fusils à tir rapide), hoặc thậm chí cả súng máy Nordenfeld⁽¹⁹⁾ và pháo Krupp. Rắc rối thêm khi người Xiêm [Thái Lan], được người Anh ở Miến Điện [Myanmar] khuyến khích mạnh mẽ, họ nhóm ngó Thượng Lào và khu vực Lai Châu. Mặt khác, Nhiếp chính An Nam Tôn Thất Thuyết, chú [?] của hoàng đế bị phế Hàm Nghi, đã lánh nạn chỗ Đèo Văn Trị sau cuộc tập kích quân địch tại Huế ngày 04/7/1885 thất bại. Ông ta đã mang theo triện và ấn tín của vương quốc,⁽²⁰⁾ đã duy trì một chiến dịch vũ trang chống Pháp đầy bạo lực và ban thưởng cho kẻ thù của chúng ta bằng cách trao cho họ những biệt đãi về quan chức.

Từ đầu năm 1888, Tướng Bégín đã điều một đội quân gồm lính lê dương, lính tập Bắc Kỳ và lính Zouave⁽²¹⁾ đi Lai Châu và Sơn La. Cuộc hành binh này – được đặt dưới quyền chỉ huy của Đại tá [Edouard] Pernot, cựu trung sĩ Zouave Crimea – có nhiệm vụ chặn người Xiêm hiện đang thâm nhập xứ Thái. Đoàn [quân binh] đến Mường Theng (Mường Thanh - Điện Biên Phủ) an toàn và tại đó họ xây các lò nướng bánh mì kiểu đồng quê; người lính già, Đại tá Pernot, nghĩ rằng điều cần thiết là binh lính của ông có bánh ăn hàng ngày, ngay cả ở nơi rừng rậm.

Trước khi rời Hà Nội, Pennequin đã nhận được ba nhiệm vụ cần ưu tiên: khôi phục sự bình yên, vô hiệu hóa người Xiêm và tổ chức [cai trị] vùng đất. Ông có thể tin tưởng các lời khuyên của Pavie [người đã] được ông Bộ trưởng Bộ Ngoại giao giao phó một nhiệm vụ được gọi là “thủy văn (hydrographique)” [?] trong vùng Sip Song Châu. Được cấp một khoản chi phí đi đường 20.000 piastres,⁽²²⁾ ông đi cùng với một đại đội gồm 157 thủy quân lục chiến. Trên đường đi, thật tội nghiệp, 11 người chết trong đó có một người bị hổ ăn thịt và họ đến được Sơn La bằng những đôi chân trần chứ không phải là giày ống mòn vẹt.⁽²³⁾

Viên Sĩ quan thủy quân lục chiến và vị Phó Lãnh sự Luang Prabang gặp nhau ngày 23/8/1888 tại Vạn Yên.⁽²⁴⁾ Họ có thiện cảm với nhau ngay lập tức. Pavie viết: “Ngay từ khi nhìn thấy ông ta, tôi biết ông ta sẽ chăm lo tốt trong xứ này. Tôi hoàn toàn vui vẻ chỉ dẫn, giúp đỡ và cho ông ấy lời khuyên”. Pennequin bị quyến rũ bởi sự đơn giản của người đối thoại. Ông cũng thích thú với vẻ gợi cảm của một số thành viên phái bộ. Trong số họ “Ông Vacle đi khắp vùng đất Thái với trang phục thợ săn miền núi; tại điểm dừng chân – để gây ấn tượng với dân bản xứ – ông mặc trang phục hầu tước đời Louis XV, [ngoài] phủ áo choàng satin Campuchia màu hồng”.

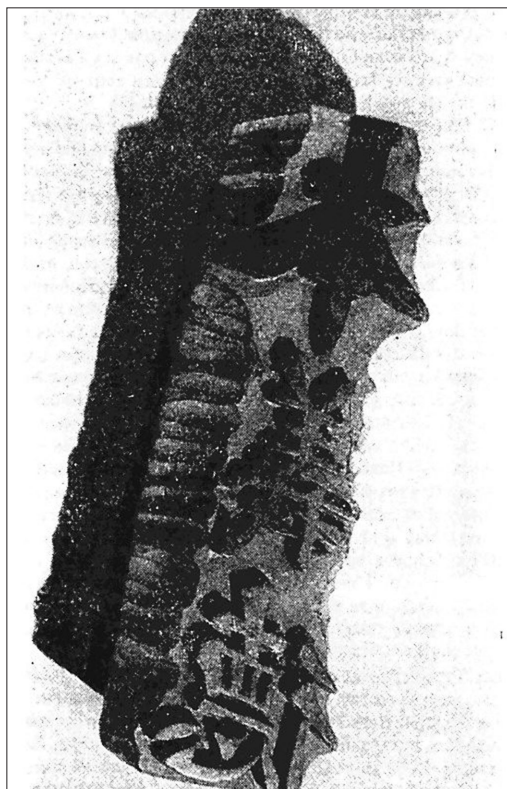
Rất nhanh chóng, Pennequin hiểu rằng nên dựa vào dân chúng bằng cách tập hợp và quan hệ với họ theo đặc điểm dân tộc. Đầu tiên ông liên lạc với các Talahé. Thời khắc thật là thuận lợi – vì Lưu Vĩnh Phúc đã bị Pháp đánh bại tháng 3/1885 ở Hòa Mộc⁽²⁵⁾ – để khuyên Đèo Văn Trị chịu khuất phục. Hoàn cảnh thuận lợi hơn khi lãnh đạo cũ của quân Cờ Đen, Ông Bà [Bá] Liên Chung Hoa⁽²⁶⁾ vừa qua đời và

các quan châu Thái đã chán ngán sự vôi vĩnh của bọn kẻ cướp. Viên sĩ quan cao cấp quản lý nhận được sự tin tưởng của hai người anh em Đèo Văn Trị [tên tiếng Thái: Kam Oun/Cầm Um] là Kam Houil và Kam Heun. Pavie và Pennequin không mang vũ khí đã gặp gỡ và thuyết phục họ liên lạc với cha mẹ của họ. Họ vẫn chịu sự ảnh hưởng của Tôn Thất Thuyết, còn do dự khi gặp gỡ nhưng hứa sẽ chấm dứt mọi hoạt động chống Pháp.

Trong khi đó, người Xiêm đã trấn đóng trong pháo đài Điện Biên Phủ và đòi người Thái khuất phục. Pavie đã đàm phán với họ trong khi Pennequin mang một đại đội đóng giữ tại một vị trí trên bờ Nam Youn (sông Nậm Rốm). Bị ấn tượng, ngày 17/12/1888, tướng Phya Surrisak⁽²⁷⁾ đã trao cho họ chìa khóa của tòa thành [đầu hàng]. Vài ngày sau, hai người Pháp chia tay nhau và Pavie viết: “Tôi không chia tay mà cũng không có cảm xúc với ông chỉ huy, tôi quý ông ấy vì những gì chúng tôi đã làm cùng nhau và vì sức hấp dẫn thực sự của ông ấy đối với người bản xứ, từ đó ông thu phục được trái tim họ ngay ở lần tiếp xúc đầu tiên”.

Một thời gian ngắn sau, các toán cướp Trung Quốc đồng ý quay trở về Thiên triều với điều kiện sĩ quan Pháp đi cùng họ. Ngày 12/4/1889, 1.200 người đàn ông cùng 12.000 phụ nữ, người già và trẻ nhỏ đã qua biên giới.⁽²⁸⁾ Ngày 07/4/1890, Đèo Văn Trị hứa trước bàn thờ tổ tiên ở Nậm Rốm, là từ nay trở đi sẽ trung thành với nước Pháp. Ông ta sẽ giữ lời và sẽ thông báo cho Pennequin về các cuộc xâm nhập của người Trung Quốc tại biên giới. Lòng trung thành bất biến này được con cháu của ông tiếp tục cho đến tháng 8/1954⁽²⁹⁾ và thậm chí vượt xa hơn nữa.⁽³⁰⁾

Tình trạng yên ổn tạm thời trở lại, có một người được mọi người ở Síp Song Châu gọi là Penn I Tê,⁽³¹⁾ “nguồn gốc của công lý và sự thật”, ông tuyển mộ người phụ trợ, trước tiên là ở các mừng, và thành lập lực lượng tự vệ trong các làng bản để đảm bảo an toàn cho họ. Ông thay thế súng kíp cũ của dân bản xứ bằng súng bắn nhanh kiểu 1874 mặc dù đã có lệnh cấm của Hà Nội. Ông coi thường lệnh cấm, vì



Cachei du colonel Pennequin se lisant en chinois mandarin : Penn I Tê, signifiant "Source de la justice et de la vérité. Caché de CMI DOME.

Hình 2: Triện của Đại tá Pennequin đọc theo tiếng quan thoại Trung quốc: Pen I Tê có nghĩa là “Nguồn gốc của công lý và sự thật”.

theo lời ông “ông có xu hướng tự nhiên là tự tách mình khỏi các sếp khi cần thiết”. Dẫn chứng về vùng đất đang thịnh vượng trở lại là một động lực để tiếp tục quy phục dân chúng còn chưa được tập hợp lại.

Do đó, các nguyên tắc của một chính sách bình định mới đang dần được đưa vào thực tế. Tuy nhiên, những khẳng định của một số sử gia quả quyết rằng Pennequin đã mang lại bình yên cho xứ Thái mà không phải nổ súng, là phóng đại; trong trường hợp cần thiết, ông đã can thiệp quân sự mà không tỏ ra yếu đuối như ở Ban Co Nhan⁽³²⁾ [?] hay khi giải thoát đồn Tú Lệ tháng 11/1889. Trong trận sau, thiếu úy [Xavier] Moll, anh trai ngài đại tá nổi tiếng⁽³³⁾ đã bị thương nặng.

Đạo quan binh số 4

Sau khi trở về nước tháng 9/1890, Trung tá Pennequin trở lại Bắc Kỳ vài tháng sau đó để nắm quyền chỉ huy Đạo quan binh số 4,⁽³⁴⁾ có trụ sở tại Sơn La. Khi ông vắng mặt, các băng cướp đã trỗi dậy, chúng thuộc ba loại đối tượng: bọn cướp địa phương chuyên nghiệp, lính đào ngũ và bọn gian Trung Hoa, quân nổi dậy dân tộc chủ nghĩa An Nam. Thủ lĩnh của họ thường mang các chức danh quân sự bắt đầu bằng Đề hoặc Đốc, được phong bởi Nhiếp chính [Tôn Thất] Thuyết. Một trong số những đội quân này được tập hợp dưới những cái tên như “Quân đội phục quốc An Nam” hoặc “Quân đội hộ vệ Hoàng đế (bị phế truất) Hàm Nghi”. Có một số nhân vật đã tổ chức rất nhiều hoạt động: đó là Đốc Ngừ, với 600 tay súng đã thảm sát đồn lính Chợ Bờ tháng 01/1891 và sau đó, tháng 8 [1891], liều lĩnh nổ súng vào các tòa nhà của nhượng địa Pháp ở Hà Nội.

Trung tá Pennequin – bằng nghị lực và được hỗ trợ bởi các cộng sự đặc lực như Trung úy Diguet⁽³⁵⁾ “nói tiếng Thái như một ngôi chùa”⁽³⁶⁾ – đã săn lùng những kẻ gây rối này. Ông đương đầu đặc biệt với các băng của Đề Kiều và Đốc Ngừ. Trong những lần tác chiến này, ông sử dụng lính Âu và lính tập Bắc Kỳ, ít nhất có thể. Ông không muốn “An Nam hóa” xứ Thái. Ngược lại, ông tăng nhiều lính Mán [Dao], Mường và sử dụng họ như GCMA⁽³⁷⁾ sẽ làm 60 năm sau. Ông liên tục đuổi theo các băng [nhóm] bằng cách áp dụng chính chiến thuật của họ, đẩy họ ra khỏi căn cứ hậu cần và đưa họ ra khỏi biên giới. Là người tác động tâm lý tiên phong, ông khéo léo sử dụng sự đa sắc tộc của đối phương để làm mất tinh thần và tiêu diệt họ. Bằng cách mua chuộc người Mường của Đốc Ngừ, ông đã thành công khi họ ám sát thủ lĩnh của mình.⁽³⁸⁾ Ông cũng bảo toàn tính mạng cho những người Mường này. Trong thế bí ở Niên Kỵ,⁽³⁹⁾ hang ổ duy nhất của quân nổi dậy ở một vị trí được củng cố vững chắc mà ông không thể đánh chiếm được, Pennequin đã ngừng tiến công để tránh bị thất bại.

Đồng thời với các hoạt động quân sự, Pennequin thực hiện một biện pháp chính trị - kinh tế, đã nhanh chóng mang lại kết quả. Ông phục hồi quyền năng

cho các thủ lĩnh cha truyền con nối và trợ cấp cho họ; vì điều này mà ông bị cơ quan quản lý Liên bang [Đông Dương] phê phán nghiêm khắc. Lúc đó ông lưu ý rằng “khoản trợ cấp” này không đắt hơn một “đội quân cầm giáo (colonne coup de lance)”. Nhiều người quy phục, kể cả Đề Kiêu, theo về. Ông ân xá những tên cướp không phạm trọng tội bằng cách biến chúng thành dân quân. Người Mán nổi loạn ở Than Hoa Dao⁽⁴⁰⁾ khi đó đã được ông che chở, cũng như cư dân Lào Hua Panh.⁽⁴¹⁾ Ông thường xuyên đưa ra những sáng kiến táo bạo như, thay thế người Miến và người Hoa chạy khỏi Lai Châu, bằng nông dân một làng nổi loạn dưới đồng bằng. Cách thức này là mô phỏng trước chiến thuật Áp Chiến lược của Việt Nam [Cộng hòa] năm 1960.

Là một quan Trấn thủ (Proconsul) thực sự, ông thúc đẩy trồng trọt và chăn nuôi, cải thiện phương tiện thông tin, tiết chế việc đánh thuế và cho phép buôn bán thuốc phiện. Ông mở trường học bao gồm cho cả nữ sinh và hy vọng sẽ gửi những học sinh giỏi nhất đến Trường Thuộc địa Paris. Khi ông rời Đạo Quan binh số 4 năm 1893, phía tây bắc Bán đảo (Đông Dương), bao gồm vành đai Lào Kay đầy biến động, gần như đã được bình định. Khu vực này tạo thành một đập chắn sóng vững chắc giữa vùng châu thổ và biên giới Trung Quốc, vai trò bảo vệ đường tiếp cận hòa bình với nước Lào cũng được thực hiện. Trung tá Pennequin được chính quyền dân sự khen ngợi, trong khi đó cấp trên quân sự của ông thấy ông “là nhà thám hiểm nhiều hơn là một sĩ quan, và có khả năng chỉ huy các nhóm dân bán khai hơn, là một trung đoàn”. Tuy nhiên, chỉ huy Đạo Quan binh số 4, giống như Pavie, đã thành công trong việc chinh phục trái tim. Ngoài ra, trước khi Galliéni đến Bắc Kỳ ngày 11/10/1892, ông là người quảng bá chính sách vệt dầu loang. Vị trí hàng đầu này, không được các sử gia nhấn mạnh đầy đủ, nhưng được [Hubert] Lyautey⁽⁴²⁾ công nhận. Ông ta viết về Pennequin: “Ông ấy là Ngài Bắc Kỳ ở phía tây bắc cũng như Galliéni là Ngài Bắc Kỳ ở phía đông bắc”. Ông sửa lại “từ Sông Đà đến Sông Hồng, Pennequin đã nói gì là tất cả nói thế.”

Nhưng danh tiếng của ông, liên quan đến chủ nghĩa bất tuân, là xấu trong một quân đội rất bảo thủ, đang khiến một số đồng nghiệp, thậm chí cả cấp trên của ông cũng xấu hổ. Do đó, năm 1895, ông đã từ chối chức vụ chỉ huy ở Thượng Lào, nơi Bộ Tham mưu [muốn] loại ông về đó. Vào thời điểm đó, thực tế Vương quốc Triệu Voi dường như là nơi lưu đày các quan chức chờ hầu tòa hoặc bị kỷ luật. May mắn thay, Đại tá Pennequin – “người nổi tiếng ở Bắc Kỳ nên không cần phải ghi chép dài dòng” – đã đến Hải Phòng ngày 01/8/1896, lần thứ tư trấn đóng ở Đông Dương. Sau đó, ông được chọn làm Chủ tịch Ủy ban Phân định Biên giới Vân Nam của Pháp. Trên thực tế, ông rất nổi tiếng ở Trung Quốc. Trước đây, ông đã từng được Tướng Ma Yêou Ki [?] yêu cầu giúp đỡ loại bỏ các toán cướp. Người đồng cấp của ông phía Thiên triều là Chủ tịch Liêou.⁽⁴³⁾ Viên Sĩ quan Pháp coi ông này là “kẻ nói dối và đạo đức giả, đó là phẩm chất của một người Trung Quốc”.

Dựa vào thủ lĩnh người Méo [H'Mông] Han Tchoung Tchéou [?], người khai thác rừng ở Bắc Kỳ và xuất khẩu gỗ làm quan tài cho Muong Tzeu [Mông Tự],⁽⁴⁴⁾ Pennequin đã thành công khi quan điểm của mình được chấp thuận. Biên giới phải được mở rộng để giao thương vì lợi ích của cộng đồng dân cư hai bên. Trung Quốc cam kết thiết lập 12 trạm hải quan để đánh thuế muối, thuốc phiện và đặc biệt hứa sẽ xóa bỏ tận gốc nạn cướp bóc. Nhìn xa hơn, viên Đại tá Pháp chủ trương xây dựng một con đường từ Ho Kêou [Hà Khẩu] đến Mông Tự và đặt các nhà điều dưỡng ở Trung Quốc vì lợi ích của quân đội ở Bắc Kỳ.



Le général Pennequin. Cliché de CMI DOME.

Hình 3: Tướng Pennequin 1849-1916.

Nhiệm vụ của ông đã được hoàn thành tốt nhất vì lợi ích của nước Pháp và của dân bản địa. Đại tá Pennequin nhận trách nhiệm về Đạo Quan binh số 3 và số 4; trong khu vực rộng lớn này, ông cố sức làm việc để tránh nhóm Đề Thám nổi tiếng – “nơi có những người yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc chân chính”⁽⁴⁵⁾ – khuấy động sự yên bình của dân cư dưới sự quản lý của ông.⁽⁴⁶⁾ Ông thành công nhưng nổi bật khi từ chối cấp độc quyền khai thác lâm nghiệp trong các lãnh thổ của mình cho một thực dân người Âu. Khi ông được hồi hương năm 1898, Tổng Tư lệnh đã đánh giá rằng “sự ra đi

của người vừa là nhà ngoại giao tài ba vừa là một nhà lãnh đạo quân sự vĩ đại đã để lại một khoảng trống mênh mông ở Bắc Kỳ”.

Vị sĩ quan cấp Tướng

Với các ngôi sao và dải băng Bắc đầu bội tinh, “tông đồ xứ Thái” được gập lại ở Madagascar tháng 4/1898. Trong 16 tháng, ông theo đuổi các công việc chính trị, tài chính và kinh tế, công việc của đồng chí nổi tiếng Galliéni. Điều đó nhấn mạnh nỗ lực quân sự trong các khu vực chưa được tập hợp [vào thuộc địa], đặc biệt là trong các vùng tập trung người Bars và người Sakalava. Tháng 7/1900, tại Tananarive, ông đã đạt được sự mến phục của Nữ hoàng Binao và hai hoàng tử.

Khi trở về Pháp, ông chỉ huy Lữ đoàn 2 thuộc địa tại Brest và phục vụ trong Ủy ban Kỹ thuật Quân đội Thuộc địa.⁽⁴⁷⁾ Ngày 17/3/1904, ông chỉ huy quân đội Nam Kỳ và Campuchia⁽⁴⁸⁾ sau khi được phong tướng ba sao (général de division). Ông rất tích cực triển khai nhiệm vụ theo chức năng, và thăm tất cả các vị trí trong một thời gian kỷ lục. Ông thỉnh cầu ủng hộ việc tuyển mộ [binh lính] tại chỗ trong

khi bảo vệ lợi ích vật chất của dân bản xứ đã được phiên chế. Ngày 30/01/1906, ông đã trình lên Ủy ban Quốc phòng Đông Dương một bản báo cáo liên quan đến việc tổ chức Quân đội Quốc gia Campuchia. Sau đó, ông phát triển một số quan điểm của mình về chính trị Đông Dương, điều này gây ra “một số xao động trong cử tọa”. Tướng Voyron,⁽⁴⁹⁾ Chủ tịch Ủy ban Cố vấn Quốc phòng Thuộc địa (Comité Consultatif de Défense des Colonies), khi đang công cán ở Bán đảo, đã ủng hộ ông. Cả hai đều khẳng định rằng dù người Khmer biết ơn chúng ta vì đã mang lại cho họ hòa bình, nhưng họ muốn độc lập hoàn toàn. Mặc dù trách móc ông về một số sáng kiến không phù hợp như, bãi bỏ việc đeo kiềng khi ra ngoài ở Sài Gòn và bỏ điếu danh tối đối với lính tập đã kết hôn, Tướng [Pierre] Coronnat, Tư lệnh Quân đội Đông Dương đã ghi nhận rất ngợi khen. Ông đánh giá rằng Tướng Pennequin có đủ khả năng để chỉ huy một quân đoàn, và trao tặng cho ông Huân chương Bắc Đẩu Bội tinh hạng 2 (grand officier de la Légion d'honneur).

Trở về Pháp, Tướng Pennequin vẫn tại vị trong Ủy ban Kỹ thuật của Quân đội Thuộc địa, nơi kinh nghiệm nước ngoài của ông được đánh giá cao. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban phản nài rằng ông quá nhiều lần đưa ra các ý kiến ngược “chính thống”.

Quân đội Da vàng

Ngày 12/01/1911, Pennequin đến Sài Gòn để nhận trách nhiệm là Tổng Tư lệnh Quân đội Đông Dương (Troupes du Groupe de l'Indochine). Ông sẽ đưa ra các sáng kiến và những tuyên bố đáng ngạc nhiên cho thời đại. Tháng 8/1911, ông gửi Bộ trưởng Thuộc địa, thông qua Toàn quyền [Albert] Sarraut,⁽⁵⁰⁾ một Đề án thành lập “Quân đội Da vàng”, đối trọng với lực lượng Da Đen do Đại tá [Charles] Mangin⁽⁵¹⁾ chủ trương. Không đợi phản hồi chính thức, ông giải thích các ý tưởng của mình trong ba bài giảng và một bài báo được xuất bản bởi Tạp chí *Revue de Paris*; ông kết luận rằng cần phải thành lập một đội quân gồm 170.000 người tại ngũ hoặc dự bị từ tuyển mộ tại chỗ và biên chế các sĩ quan có cùng nguồn gốc [với người bản xứ] đến cấp Tiểu đoàn trưởng. Đề xuất này, dẫn đến một chiến dịch báo chí đầy thù hận và một sự phản đối gần như đồng lòng của cộng đồng Pháp ở Đông Dương, đã được thảo luận rất lâu trong Bulletin de ANAI, quý 1 năm 2000.

So với tinh thần của thời cuộc, những ý tưởng của ông Tướng dường như có tính cách mạng. Ông dám nói rằng “trong các cuộc nổi dậy của người An Nam chống lại chính quyền Pháp, các thủ lĩnh của họ đã dẫn dắt các đội quân như những sĩ quan giỏi của đất nước chúng ta”. Ông nhắc lại lời khẳng định của Toàn quyền [Antony] Klobukowski⁽⁵²⁾ là “nước Pháp đã vắt cạn kiệt người bản xứ vì thuế”. Ông công bố thực tế rằng trong số 11.000 công chức có mặt ở Đông Dương chỉ có 2.500 người bản địa. Bằng cách lên án nhiều sự từ chối người bản xứ khi họ cầu xin một vị trí trong chính quyền, ông gọi sự tẩy chay này là “đấu tranh vì thức ăn và

bãi chẵn thả”. Người Âu cấu giận về lợi thế của họ và rất ít thừa nhận rằng những người bản địa có học thức nhất có cấp bậc thấp hơn những người Pháp dốt nát nhất. Trong một bài viết khác trên Tạp chí *Revue de Paris*, ông lưu ý rằng “Người An Nam không có trong tay vận mệnh tổ quốc nên hướng đến bài ngoại hơn là theo chủ nghĩa dân tộc”. Ngoài ra ông khuyến nghị cho người bản xứ vào Nghị viện mẫu quốc. Ông cảnh báo trước: “Chúng ta đã chinh phục Đông Dương, chúng ta đã bình định nó, nhưng chúng ta đã không giành được tâm hồn họ”. Vụ bê bối là rất lớn và Bộ trưởng Thuộc địa Albert Lebrun,⁽⁵³⁾ phần nộ khi Tướng Pennequin đã tự ý viết, “trong chính quyền thuộc địa, nhiều cải cách phải được thực hiện, những lạm dụng cần phải loại trừ và một sự thúc đẩy tốt cần được đưa ra”, và yêu cầu xử phạt ông ta.

Những kẻ thù của truyền thống cũng không muốn một Quân đội Da vàng được hình thành nhanh chóng; họ đề xuất trong thời kỳ đầu huấn luyện cán bộ khung để thành lập dần dần. Không giống như Quân đội Da đen của Mangin có dự định can thiệp vào châu Âu, lực lượng do Pennequin đề xuất có xu hướng trước tiên là bảo vệ Bán đảo đang bị đe dọa bởi Trung Quốc, Nhật Bản và Xiêm. Việc tạo ra nó [Quân đội Da vàng] sẽ mang lại công bằng hơn trong Liên minh [Đông Pháp] bằng cách giao phó các vị trí trách nhiệm cho người bản xứ. Do đó, nó là phương tiện định hướng của một xã hội An Nam hiện đại và công bằng hơn. Giới quân sự và chính trị, thường không có được hiểu biết đầy đủ về các nghiên cứu của Pennequin, tỏ ra thận trọng và thường bị giới hạn trong sự dè dặt, có thể diễn đạt: “Quân đội Da đen: khẩn cấp, Quân đội Da vàng: nghi ngờ”. Đối với họ, lính Đông Dương thực tế không hoàn toàn đáng tin cậy, đặc biệt là sau âm mưu xảy ra⁽⁵⁴⁾ tại Hà Nội tháng 6/1908.

Trong trường hợp này, dự án được Tổng tư lệnh trình bày đã tạo thành một nghi vấn về hệ thống thuộc địa. Ông tiếp cận ở một mức độ nhất định những ý tưởng của nhà dân tộc chủ nghĩa Phan Châu Trinh, người vừa được trả tự do từ Côn Sơn (Poulo-Condor).⁽⁵⁵⁾ Quân đội [da vàng] là yếu tố ít nhiều tạo nên sự chặt chẽ duy nhất ở Đông Dương, nên Pennequin muốn nó trở thành công cụ để đại tu chính sách của Pháp trong Liên minh bằng cách tôn trọng khuôn khổ truyền thống của xã hội bản địa. Ông mong muốn thực hiện đường lối “một người bạn hơn là một bầy tôi”. Một nhà báo bản xứ thắc mắc về giá trị của sự thay đổi đó: “Sự tồn tại của người An Nam, theo ông, là một cuộc sống cam chịu liên tục trong sự bình tĩnh, trầm tư, kính trọng người già, làm việc đồng áng và giáo dục trẻ em”.

Tình trạng rối ren gây ra bởi đề án Quân đội Da vàng được phóng đại bằng một thước đo nhỏ. Trong một bản ghi nhớ ngày 20/10/1912, Tướng Pennequin đã cầm cấp dưới của mình giao tiếp với công chức, binh lính và những người nổi tiếng bản địa. Đối với ông cách tiến hành này là “từ chối sự tôn trọng và cân nhắc

mà những người này tìm kiếm và xứng đáng về mọi phương diện”. Một lần nữa, báo *Hải Phòng Courrier* lại châm biếm nặng nề khuyên nhà vua An Nam bảo thần dân của mình đừng nói “[da] chị tôi rất trắng” nữa mà phải nói “chị tôi [da] trắng”. Chắc chắn là sự tôn trọng được đòi hỏi từ cộng đồng quân nhân người Âu trái ngược với cách cư xử bình thường mà họ đã đối xử với người bản xứ cho đến lúc đó. Ví dụ, năm 1912, việc vợ của một sĩ quan bị phạt vì tát con trai đã kích động sự phẫn nộ đồng tình của người Pháp ở Sài Gòn.

Theo lẽ thường, các đề xuất của Pennequin khiến giới dân sự và quân sự lo lắng khi không sẵn sàng để chấp thuận chúng. Chắc chắn có một số cá nhân đồng ý với quan điểm của ông; đó là trường hợp của Bộ trưởng [Gaston] Doumergue,⁽⁵⁶⁾ Toàn quyền [Paul] Beau,⁽⁵⁷⁾ Tướng Galliéni, Đại tá Mangin và, ở một mức độ nhất định là Toàn quyền Albert Sarraut. Tuy nhiên một đại tá ẩn dưới một bút danh đề can thiệp vào Quân đội Thuộc địa, đã phản ánh quan điểm chung bằng cách viết: “Trong 50 năm nữa, khi người An Nam được giáo dục theo đúng nghĩa của thuật ngữ, chúng ta sẽ có thể xem xét vấn đề. Vào thời điểm này, đó là một điều không tưởng”. Cuối cùng, Ủy ban Tham vấn Bảo vệ Thuộc địa đã chôn vùi đề án Quân đội Da vàng bằng cách khẳng định dứt khoát: “Sự tiến hóa quân sự của một dân tộc chỉ có thể theo sau và không được vượt trước sự tiến hóa chính trị và xã hội của nó”.

Dù sao, tương lai sẽ chịu trách nhiệm chứng minh tính tiên tri trong ý tưởng của Tướng Pennequin. Ngay từ mùa xuân năm 1915, mặc dù có một số miễn cưỡng, bán đảo [Đông Dương] đã xuất hiện như một nguồn cung cấp công nhân thuận tiện, ngoại trừ binh lính, vì lợi ích của Mặt trận Pháp. Tháng 4/1919, Tướng Mangin đã đưa lực lượng dự phòng Đông Dương vào trong đề án của ông về một đội quân bản xứ lớn. Năm 1938, một tài liệu ẩn danh nhưng chắc chắn được lấy cảm hứng từ Bộ trưởng [Bộ Thuộc địa Georges] Mandel và Tướng [Jules-Antoine] Bührer,⁽⁵⁸⁾ được xuất bản tại Hà Nội, gần như nhắc lại toàn bộ đề án của Pennequin. Gần đây nhất, Trung tá [Roger] Trinquier⁽⁵⁹⁾ thành lập GCMA, Tướng de Lattre de Tassigny⁽⁶⁰⁾ cho thành lập Quân đội Quốc gia [Việt Nam, ANV], rồi Tướng Mỹ [William] Westmoreland⁽⁶¹⁾ đều có thể phỏng theo ít nhiều từ kinh nghiệm của người tiền nhiệm “Penn I Tê”.

Một kết thúc bi đát của sự nghiệp

Bị hiểu lầm và bị sỉ nhục, là đối tượng của một sự chế nhạo gần như rất chung, bị đối xử như một kẻ cuồng loạn và đạo đức giả, Tướng Pennequin rời bỏ quyền chỉ huy của mình ngày 5/02/1913. Trái tim nặng trĩu, ông nhìn thấy bờ biển Đông Dương đang dần rời xa, nơi mà suốt 16 năm ông đã cống hiến hết mình.

Khi kết thúc kỳ nghỉ của ông vào cuối chiến dịch, ông đã chờ đợi một thời gian dài cho một vị trí, với cảm giác bị đưa vào danh sách chờ. Được xếp vào chỗ

“cư trú tự do”, cuối cùng ông được phân công làm trợ lý phụ trách việc chuẩn bị quân sự và kiểm tra dự phòng cho tướng chỉ huy Quân khu 5 ở Orleans. Những nhiệm vụ như vậy tính theo cấp bậc chỉ dành cho một sĩ quan có thâm niên cấp bậc thấp hơn sáu năm so với thâm niên của ông. Cảm nhận một cách sâu xa sự xúc phạm đối với mình, ông đã viết ngay cho Bộ trưởng để có thể được nhận vào phòng Nhì (Section 2). Ngày 12/02/1914, có lẽ để thay đổi quyết định, ông đã được chỉ định thay cho Galliéni làm thành viên trong Ủy ban Tư vấn Quốc phòng Thuộc địa.

Trong một lá thư rất trang nghiêm, ông vẫn giữ yêu cầu của ông được rời khỏi quân đội để trở thành “vị tướng thực dân đầu tiên ra đi trước tuổi”. Ông nhớ lại việc cử làm cấp dưới được đề xuất cho ông ở Orleans là “một sự phé truất thực sự bởi vì ông là vị tướng của Quân đội Pháp gắn liền với nhiều chiến dịch nhất”. Ngoài ra, ông “rất năng động trong lĩnh vực bình định thuộc địa, như lời công nhận của các đồng đội Galliéni và Lyautey, những người đã rất phần nộ trước các biện pháp làm hại ông, họ cũng là những người luôn phông theo các phương pháp mà Pennequin khởi xướng”. Ngày 30/6/1914, Tướng Pennequin, tự hào với 90 niên kim⁽⁶²⁾ đền đáp cho việc phục vụ chiến tranh ở nước ngoài, tự hào rời quân đội, nơi ông đã cống hiến 46 năm cuộc đời.

Ngày 02/8/1914 – ngày tổng động viên – Pennequin, đang nghỉ hưu tại Toulon, đã yêu cầu lại tiếp tục phục vụ nhưng không thành công. Tuy nhiên, cuối năm đó, ông được mời đến Paris theo yêu cầu của các Nghị sĩ [Jean-Jacques] Bernard và [Pierre] Massé, tác giả của một báo cáo liên quan đến việc sử dụng ô ạt quân đội bản xứ. Hội đồng, trước khi ông đến có cả [Georges] Clemenceau, người đã nhận định ông là “mơ hồ và có chút lẩn thẩn”. Cuối phiên họp, Bộ trưởng Thuộc địa Doumergue cố nài ni đồng nghiệp là Bộ trưởng Chiến tranh [Alexandre] Millerand, để đẩy nhanh việc tuyển mộ theo hạn ngạch ở Đông Dương, bất chấp sự miễn cưỡng của Tổng tư lệnh [Joseph] Joffre.⁽⁶³⁾ Hai Nghị sĩ đã nêu trước một lực lượng lao động là 100.000 người cần tuyển mộ trên Bán đảo.

Tháng 12/1915, tên của Pennequin đã liên tục được đề xuất để đảm nhận chức vụ “thống đốc quân sự” của Đông Dương, sau đó đơn giản hơn là trở thành Cố vấn Tuyển mộ cho người đứng đầu Liên minh là [Ernest] Roume.⁽⁶⁴⁾ Ông đã đưa ra quan điểm trong một vài tuần sẽ kết hợp “40 đến 100 ngàn thành viên là người dân tộc thiểu số, sau một thời gian huấn luyện ở Ai Cập, sẽ có thể đi chiến đấu ở châu Âu”.

Đáng tiếc là, tất cả những diễn biến này đã tác động đến tinh thần của Pennequin, vốn đã rất cay đắng bị gạt bỏ khỏi quân đội năm 1914. Năm 1916, [ông] đã có những dấu hiệu rối loạn tâm thần rất rõ, cộng thêm sức khỏe suy sụp bởi những lần đóng quân ở thuộc địa. Hàng ngày, ông trình diện vị tướng chỉ huy

ở Toulon để hỏi về ngày khởi hành của ông tới Đông Dương. Nhiều lần, ông được đưa vào Bệnh viện Hải quân, nơi đây ông đã qua đời ngày 24/6/1916, mà không biết là ngày này, hai tiểu đoàn đầu tiên đến từ Bán đảo đã đổ bộ vào Salonica.⁽⁶⁵⁾ Ngay sau khi ông qua đời, một y tá trong khi kiểm kê giấy tờ cá nhân của người quá cố đã phát hiện ra những lá thư gửi đến các nhà cầm quyền cấp cao. Cô ta đã tự ý đốt chúng vì cho rằng chúng quá cay độc đối với người nhận.

Ngày nay, chắc chắn sẽ rất mạo hiểm khi nói rằng việc chấp thuận đề án của Pennequin sẽ thay đổi tiến trình lịch sử. Tuy nhiên, chính sách do “Penn I Tê” chủ trương có xu hướng ủng hộ việc thành lập dần dần các “Chính phủ tự trị” Đông Dương, giống như chính quyền mà Mỹ trao cho Philippines, trên thực tế sẽ chỉ đi trước các Quốc gia Liên kết⁽⁶⁶⁾ năm 1950. Nhà tranh đấu dân tộc chủ nghĩa Phan Châu Trinh đã viết năm 1914 [1915?]: “Việc người An Nam rời khỏi người Pháp là không thích hợp, nhưng điều thích hợp là người Pháp sửa đổi các thủ tục hành chính của họ và giúp người An Nam tiến bộ, thế hệ kế tiếp của cả hai chủng tộc sau đó có thể sống hòa hợp một cách bền vững.” Pennequin bị thuyết phục sâu sắc về khả năng của một sự hòa hợp như vậy giữa hai dân tộc có mối quan hệ rõ ràng.

Không còn nghi ngờ gì nữa, cuối đời, người đề xướng đề án Quân đội Da vàng đã có thời gian rảnh rỗi để đọc và suy ngẫm về những dòng viết năm 1901 của Eugène Young trong cuốn sách *La vie économique au Tonkin*.⁽⁶⁷⁾ “Đối với một xã hội thuộc địa, mọi đầu óc nghiên cứu có một mục đích nào đó, về văn học, khoa học hoặc kinh tế, đều được coi như một hiện tượng, một nhân vật có những ý tưởng kỳ cục, gần như một thằng điên. Sẽ có hàng ngàn sự quấy rầy được tạo ra để ngăn anh ta thành công”.

H U H - N B D dịch và bổ chú

CHÚ THÍCH

- (1) Từ năm 1829, mỗi lớp (*promotion*) của trường Saint-Cyr chọn một tên, có thể là một biệt danh, tên của một trận đánh nổi tiếng (*Sevastopol* cho lớp 1855-1856), tên của một người lính hoặc vị tướng nổi tiếng (*Bayard* cho lớp 1923-1925, Foch, cho lớp 1928-1930).
- (2) Joseph Simon Gallieni (1849-1916): Nhà quân sự và quản trị viên thuộc địa Pháp, được truy phong Nguyên soái nước Pháp (*maréchal de France*, bảy sao) năm 1921.
 Từ 1892 đến 1896, mang quân hàm Đại tá, Gallieni được gửi đến Bắc Kỳ (Đông Dương). Ông chiến đấu với các băng cướp Trung Hoa (Cờ Đen,...) và xây dựng chính quyền thuộc địa cùng cộng tác viên chính là Lyautey. Tại thời điểm này, Gallieni xây dựng sự khởi đầu của cái được gọi là học thuyết thuộc địa của mình, như “vết dầu loang”, và “chính trị chủng tộc”, nhằm chia rẽ để chinh phục. Gallieni là một kẻ cai trị tàn bạo thẳng tay trong các cuộc chinh phạt thuộc địa.
- (3) Trung đoàn bộ binh thủy quân lục chiến (RIM) số 4 thành lập năm 1854 và giải thể năm 1998. RIM 4 hoạt động ở Nam Kỳ và Trung Kỳ giai đoạn 1858-1868, đánh chiếm Sài Gòn và

Đại đồn Chí Hòa; các năm 1869, 1872, 1880 đều có mặt ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ, cùng Trung úy F. Garnier chiếm thành Hà Nội 1873, chiến đấu trên khắp Bắc Kỳ từ 1882-1885 (đại đội 30 cùng Đại úy H. Riviere, đánh chiếm thành Hà Nội 1882 sau đó tiếp tục là Nam Định, Sơn Tây, Lạng Sơn...); các đại đội 27 và 30 tham gia chiếm Huế năm 1885. Trong số 9 địa danh được thêu bằng chỉ vàng trên quân kỳ của RIM 4 có: SAIGON 1859 và TUYEN-QUAN 1885.

- (4) Chancellerie (danh từ chung, có thể ở số nhiều): Một nhóm nhỏ các nhà ngoại giao, nói đúng ra là những cộng sự thân cận nhất của sếp phái bộ, trong một Đại sứ quán hoặc một Tòa Lãnh sự Pháp.
- (5) Madagascar: Một đảo quốc ở Ấn Độ Dương, ngoài khơi bờ biển đông nam châu Phi, thủ đô là Tananarive (Antananarivo). Các đảo lân cận Madagascar có tỉnh hải ngoại Réunion thuộc Pháp ở phía đông, đảo quốc Comoros và quần đảo Zanzibar (Tanzania) ở phía tây bắc.
- (6) Sakalava: Một nhóm dân tộc sống tại vùng tây và tây bắc đảo Madagascar, trong một dải dọc theo bờ biển.
- (7) Hova: Lực lượng bình dân trong liên minh với tầng lớp quý tộc Andriana chống lại chế độ quân chủ tuyệt đối ở Vương quốc Madagascar.
- (8) Hải đội Biển Ấn Độ 'l'Escadre de la Mer des Indes) – *Hải đội 'l'Escadre*): một nhóm tàu chiến đáng kể nhưng vẫn là quá nhỏ để được coi là một hạm đội. *Biển Ấn Độ* (Mer des Indes): tên cũ của Ấn Độ Dương (Océan Indien).
- (9) Con số 12.000 quân Hova có thể không chính xác. Quân sử của RIM 4 và nhiều tài liệu đương thời cho biết, Pennequin chỉ huy 50 lính bộ binh thủy quân lục chiến và 70 lính “Mũ Đen” đã đánh bại khoảng 2.000 quân Hova lúc binh đội này chủ quan khinh địch sau khi vừa cướp phá một ngôi làng. (theo: <https://theatrum-belli.com/histoire-chronique-culturelle-du-27-aout/> và http://wikimonde.com/article/4e_r%C3%A9giment_d%27infanterie_de_marine).
- (10) Một cách biểu thị được dịch chung là “Mười hai châu Thái”. Trong thực tế, một châu là một vương quốc chư hầu riêng. Người đứng đầu của châu là Quan Châu hoặc Tri Châu.
- (11) Auguste Jean Marie Pavie (1847-1925): người Pháp, công chức dân sự thuộc địa tại Nam Kỳ, nhà thám hiểm và ngoại giao, nhà dân tộc học và nhiếp ảnh gia (Phái bộ Pavie, 1889-1890). Ông là Phó Lãnh sự đầu tiên (1887), sau đó Tổng Ủy viên (Commissaire général) của Pháp tại Lào (1893); là người đóng vai trò không thể thay thế trong việc tái lập và đưa nước Lào vào vòng bảo hộ của Pháp cuối thế kỷ XIX.

Từ năm 1879 đến năm 1895, ông dẫn đầu một nhóm khoảng 40 người (La Mission Pavie) đi thám hiểm, nghiên cứu dân tộc học và lập bản đồ khu vực dọc sông Mekong, từ Nam Kỳ qua Campuchia và Lào cũng như qua Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Hoa. Hiện một dãy núi tại Nam Cực được đặt theo tên ông (Pavie Ridge). Tác phẩm chính: *Mission Pavie en Indochine* (Phái bộ Pavie ở Đông Dương), 1879-1895. 7 vols. Paris: Leroux, 1898-1919. *A la conquête des coeurs: Le Pays des millions d'Éléphants* (Chinh phục trái tim: Xứ sở Triệu Voi). Paris, Presses Universitaires de France, 1942.

- (12) Diện tích nước Bỉ gần 31.000 km².
- (13) Theo tiêu chí này, người Meo [H'Mông] và người Mán [tên cũ của người Dao], sống trên núi cao, là những người bị coi thường nhất. Chỉ có người Xá [Phù Lá?], được ước tính là ở dưới thấp là vượt quá họ trong lời nguyên rủa này. TG.

Ghi chú: các chú thích kết thúc bằng TG, thuộc về tác giả. Những chú thích khác (kể cả đặt trong []), thuộc về người dịch.

- (14) Các nhóm tàn quân của Thái Bình Thiên Quốc tràn xuống Đông Nam Á lục địa cuối thế kỷ XIX.
- (15) Lưu Vĩnh Phúc 劉永福 (1837-1917): thủ lĩnh Quân Cờ Đen, lực lượng cướp bóc Bắc Kỳ và chống Pháp trong Chiến tranh Pháp-Thanh. Quân Cờ Đen đã giết chết Francis Garnier (1873) và Henri Rivière (1882) đều tại Cầu Giấy, ngoại vi thành Hà Nội.
- (16) Đèo Văn Trị (1848-1908): thủ lĩnh người Thái Trắng. Từ năm 1888 hợp tác với người Pháp để được công nhận là “Chúa Thái” và quyền cai trị cha truyền con nối tại vùng đất Sipsong Chuthai bên bờ Sông Đà.
- (17) Oun Kham ອຸ້ນ (1811-1895): vua Vương quốc Luang Phrabang (1871-1887, 1889-1895). Năm 1893, Vương quốc Luang Prabang chính thức được Pháp bảo hộ theo yêu cầu của ông.
- (18) Talahé (Talahés): Có thể tác giả viết sai. Đúng phải là Talahié. Talahié (hoặc Chounhié) – Thủ lĩnh băng đảng Trung Hoa (như Cờ Đen) tại vùng này. Xem: Pavie A. (1919). *Géographie et Voyages VII* (Mission Pavie Indo-chine 1879-1895), p.137.
- (19) Súng Nordenfelt: Một loại súng kiểu [đàn] organ nhiều nòng (có thể lên tới 12 nòng) nằm hàng ngang.
- (20) Thời kỳ này, vấn đề ấn tín rất quan trọng vì chúng được sử dụng để chính thức hóa các mệnh lệnh. Do đó, ngày 06/6/1884, tại Huế, khi ký hiệp ước, Phụ chính Đại thần Nguyễn Văn Tường đã từ chối trao ấn tín của triều đình cho Công sứ Toàn quyền Pháp và cho nấu chảy ấn trước mặt họ. Ấn nặng 5,3kg bằng bạc mạ vàng, có núm (tay nắm) hình một con lạc đà nằm. TG.
[“Ấn tín” trong trường hợp này, là nói về “Việt Nam Quốc vương chi ấn” do nhà Thanh phong cho Việt Nam theo hệ thống “Thượng quốc - Phiên thuộc”.]
- (21) Zouaves: Linh bộ binh nhẹ của Quân đội Châu Phi (Pháp).
- (22) Piastre: Tiền tệ của Đông Dương thuộc Pháp giữa các năm 1885-1952. Ban đầu, tiêu chuẩn một piastre = 24,4935g bạc nguyên chất; từ năm 1895 giảm xuống 24,3g.
- (23) Sau sáu tháng trú đóng, vì bệnh tật, [quân số] đơn vị đã giảm xuống còn 59 người. TG.
- (24) Vạn Yên nằm bên tả ngạn Sông Đà, nay thuộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; cách Hà Nội khoảng 170 km về phía tây.
- (25) Trận Hòa Mộc (trên bờ Sông Lô, phía đông nam và gần thành Tuyên Quang) ngày 2 tháng Ba năm 1885 là một trận giao tranh quyết liệt giữa Lữ đoàn I Quân đoàn viễn chinh Bắc Kỳ của Đại tá Giovanninelli và quân Cờ Đen cùng quân đội nhà Thanh đang vây hãm thành Tuyên Quang. Quân Pháp thắng nhưng bị thiệt hại nặng (76 chết, hơn 400 bị thương). TG.
- (26) Ông Ba hoặc Ông-Bá (còn gọi là Bá Diễn hoặc Ứng Chổng) được mô tả là một người đàn ông cao, gầy nói Tiếng Việt, mất năm 73 tuổi. (Le Failler Ph., *La rivière Noire. L'intégration d'une marche frontalière au Vietnam / Sông Đà. Sự hợp nhất của một cuộc tuần biên ở Việt Nam*, Paris, Éditions du CNRS, 2014. chương 3, các mục 44, 45, 51).
Trong giai đoạn này, Ông Ba [có tên] Lien Chung Hoa ở dưới quyền của Lưu Vĩnh Phúc, là một người Trung Quốc lớn tuổi, biết nói Tiếng Việt, không nói được tiếng Thái; Ông Ba được đánh giá là một lãnh tụ Cờ Đen nổi tiếng, khi quản lý quân sự trong vùng 12 Châu Thái rất được lòng dân và các quan chức các cấp. Xem: Pavie A. (1919), *Géographie et Voyages VII* (Mission Pavie Indo-chine 1879-1895), pp. 110, 113, 174.
- (27) Phya Surrisak chính là Nguyên soái Chaophraya Surasakmontri เจ้าพระยาสุรศักดิ์มนตรี (1851-1931), một nhà quý tộc và doanh nhân Thái Lan. Văn khố quân đội Thái Lan, ghi là đội quân

của ông chiếm đóng Điện Biên trong chiến dịch chống các băng đảng Trung Hoa (Haw wars). Hiện tại Thái Lan có một thành phố mang tên ông.

- (28) Năm 1900, những người này được Chính quyền Trung ương Trung Quốc mời tham gia dẹp loạn Quyền phi (Nghĩa Hòa đoàn). Họ chấp nhận với điều kiện là Pennequin, người đã trở thành tướng quân và đang ở Madagascar, chỉ huy họ. TG.

[Có thể tác giả lại nhầm lẫn lần thứ hai về con số 12.000. *Histoire militaire de l'Indochine française des débuts à nos jours, juillet 1930*. Tome 1 (Paris, 1931, p. 159) viết “Theo các lần thương thảo, vào tháng 3 và tháng 4, Tư lệnh Pennequin đạt được sự quy thuận và trở về Trung Quốc của các băng nhóm Trung Hoa ở vùng thượng nguồn Sông Mã. Việc di dời bắt đầu vào khoảng ngày 15/3. Một tháng sau, 1.160 lính, 1.200 phụ nữ và trẻ con đã qua khỏi biên giới. Một khoản tín dụng 4.000 đồng Piastres đã được chu cấp để thực hiện hoạt động tế nhị này.”]

- (29) Năm 1950, dưới chính thể Quốc gia Việt Nam, Khu Tự trị Thái (bao gồm 12 Châu Thái cũ) trở thành một phần của Hoàng triều Cương thổ (tên gọi Nhà Nguyễn ấn định cho các khu vực cai trị mà trong đó người Kinh không chiếm đa số). Ngày 10/8/1954, quy chế Hoàng triều Cương thổ bị bãi bỏ, gần như cùng lúc với Hiệp định Genève tạo ra hai nước Việt Nam. Gia tộc Đèo theo người Pháp vào Nam.

- (30) Xem *Bulletin de l'ANAI* quý 3 năm 1998. TG.

- (31) Penn I Tê: là phiên âm (kiểu EFEO) của 3 chữ Hán 本義德 trên hình, có phiên âm Hán-Việt là “Bản Nghĩa Đức”. Viết thêm, người dịch cảm ơn bổ sung sau đây của một thân hữu:

- Bản Nghĩa Đức là phiên âm Hán văn của *Pennequin* 督办中越界务委员本义德 trong *Điều Việt Giới ước 滇越界约* Hiệp ước Trung-Pháp về Biên giới Vân Nam-Việt Nam] 1896-1897 (trong một số tư liệu Hán văn khác, Pennequin được phiên là Bạch Nặc Canh, Bình Canh (Lê Hoan)...

- Chú thích Pháp văn cho rằng 3 chữ Hán này có nghĩa “Cội nguồn của công lý và sự thực”, có thể được dẫn từ tác phẩm sư phạm nổi tiếng của J. J. Rousseau (1712-1778), *Emile hay là Về Giáo dục (Emile ou de l'Éducation*, Paris, 1817, p. 274). Tham khảo *Dictionnaire français-latin-chinois de la langue mandarine parlée* (Paul Perny, Paris, 1869), *Dictionnaire Annamite Français* (JFM Génibrel, Saigon, 1898), trong đó *nghĩa* [ngãi] và *đức* [ngãi] được hiểu là *justice* [công lý, công đạo]. Theo đó, có thể hiểu *Bản nghĩa đức* là đạo lý công bình của Pennequin đại nhân.

- (32) Ban Co Nhan: Một bản “cách Tú Lệ non một tiếng đồng hồ đi bộ”. Theo: *Histoire militaire de l'Indochine française des débuts à nos jours, juillet 1930*. Tome 1 (Sđd, tr. 179).

- (33) Chỉ Đại tá Henri Moll (1871-1910), nhà quân sự và thám hiểm thực dân người Pháp, chết tại Tchad (châu Phi) trong chiến sự; đã được nhiều thị trấn tại Pháp đặt tên cho đường phố, quảng trường.

- (34) Đạo quan binh (Territoire militaire, 1891-1945): Đơn vị cai trị hành chính-quân sự đặc biệt tại vùng biên giới Bắc Kỳ, Đông Pháp. Đạo Quan binh số 4 gồm tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Hưng Hóa.

- (35) Edouard J. Diguët, tác giả các sách: *Méthode d'enseignement mutuel franco-annamite (Phương pháp giảng dạy lẫn nhau giữa Pháp và Annam*, F. H. Schneider, 1894), *Étude de la langue Tai. Précédée d'une notice sur les races des hautes régions du Tonkin (Nghiên cứu ngôn ngữ Tai. Mở đầu bằng một ghi chú về các chủng tộc của vùng cao Bắc Kỳ*, F.-

- H. Schneider, 1895), *Éléments de grammaire annamite* (Các thành phần ngữ pháp tiếng Annam, Impr. nationale, 1904), *Les Annamites: société, coutumes, religions* (Người An Nam: xã hội, phong tục, tôn giáo, A. Challamel, 1906) *Annam et Indo-Chine française* (Annam và Đông Pháp, Challamel, 1908), *Les montagnards du Tonkin* (Người miền Núi Bắc Kỳ, Challamel, 1908).
- (36) Qua một thân hữu, chúng tôi nhận được sự hỗ trợ của Gs N. T. A từ Pháp, nguyên văn: “Nói tiếng Thái y như một ngôi chùa” có ý là Trung úy Diguët sử dụng ngôn ngữ Thái giống như các kinh và các bản khắc ngữ trên vách chùa, chứ không phải là tiếng nói hàng ngày của bình dân. Cũng phải biết là ngôn ngữ và giọng nói của thường dân miền Bắc Thái Lan rất khác với ngôn ngữ sử dụng tại Thủ đô Vọng Các [Bangkok]: cả dân chúng thủ đô cũng coi tiếng nói này là quê mùa mọi rợ. Dân cư trên hữu ngạn sông Mekong nói giọng Lào chứ không phải giọng Thái, rất khác nhau, ví dụ, “không được” thì người Thái nói là ‘mày đay’ còn người Lào thì là ‘bò đay’” [tiếng Lào hiện đại thể hiện qua Google translation có thể khác đôi chút]. Vậy là “nói như sách” hay “nói như... ngôi chùa” có sắc thái chê chứ không khen.
- (37) GCMA (Le groupement de commandos mixtes aéroportés): Nhóm commando - không quân hỗn hợp, được Tướng de Tassigny thành lập tháng 4/1951 trong Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Thành viên GCMA là người Đông Dương bản địa 'H'mông/Mèo, Thái, Nùng và Lào), chỉ huy người Âu chủ yếu đến từ đơn vị lính nhảy dù tinh nhuệ Choc 11.
- (38) “Ngày 7-8-1892, nghĩa-quân bị nội-phản. Đốc Ngữ và 10 nghĩa-quân người Kinh bị sát-hại ở Khả-Cửu [nay thuộc huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ]”. Phạm-Văn-Sơn. (1963). *Việt sử tân biên* (quyển 6, tập Trung), tr. 289.
- (39) Trần Niên Kỷ: Niên Kỷ thuộc châu Quan Hóa (nay thuộc xã Thiết Ống huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa) là căn cứ của Tổng Duy Tân. Sau trận thắng đánh đồn Yên Lãng (nay thuộc huyện Thanh Sơn, Phú Thọ) ngày 5/2/1892 của Đốc Ngữ; tháng 3, Pennequin tiến quân vào căn cứ Trung Bằng La (vùng giáp với Sơn La và Yên Bái, nay có xã Thượng Bằng La thuộc huyện Văn Chấn) nhưng trại bỏ không; Đốc Ngữ phá vây vượt Sông Đà và Sông Mã về Niên Kỷ với Tổng Duy Tân. Pennequin truy kích, ngày 18/5, Niên Kỷ bị tấn công và quân Pháp thiệt hại nặng (chết 8 sỹ quan và 70 lính...).
- (40) Than Hoa Dao [Than/Tân Hóa Đạo] tức là Đạo Tân Hóa. Đây là một vùng (núi) lớn ở bờ phải Sông Hồng, kẹp giữa Yên Bái - Nghĩa Lộ - Tú Lệ. Đoạn viết này có thể nói đến giao tranh năm 1888 giữa Pennequin và tàn quân của Bô chánh Nguyễn Văn Giáp (1837 -1887), một danh tướng trong phong trào Cần Vương.
 Tại tỉnh Hưng Hóa, còn có một đạo Tân Hóa khác. Đó là một đạo (đơn vị hành chính) tại thượng du tỉnh được đặt ra tháng 3/1876 thời Tự Đức (*ĐNTL Chính biên*, q. 55). Đạo gồm các châu: Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai, Lai Châu, Tuần Giáo, Ninh Biên, Thuận Châu, Mai Châu và Văn Chấn. Lý sở đạo được đặt vào tháng 7/1881 tại xã Nghĩa Lộ (Văn Chấn, nay thuộc thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái) (*ĐNTL Chính biên*, q. 65) (Theo: *Đại Nam thực lục*. (2007). T.8. Nxb Giáo dục, Tr. 170 và 476).
- (41) Hua Panh: Tên Pavie gọi tỉnh Huaphanh (Houaphan/Hủa Phăn), nằm ở phía đông bắc Lào, giáp các tỉnh Sơn La, Thanh Hóa và Nghệ An, tỉnh lỵ là Sam Neua (Sầm Nưa).
- (42) Hubert Lyautey (1854-1934): Nhà quân sự và quản trị viên thuộc địa Pháp, được phong nguyên soái nước Pháp năm 1921. Ông trú đóng tại Đông Dương thời kỳ 1894-1897, cùng Gallieni; tham gia đánh đuổi quân Cờ Đen dọc biên giới Trung Quốc; sau đó là người đứng đầu văn phòng quân sự của Toàn quyền Đông Dương.

- (43) Liêou: 劉春霖 (Liúchūnlín/Lưu Xuân Lâm, 1840-1913): Tri phủ Khai Hóa (Vân Nam, Trung Quốc) khi nhậm Chủ tịch phái đoàn Trung Quốc của Ủy ban Cấm mốc Biên giới Việt-Trung 1896-1897.
- Tháng 8/1896, Trung tá Pennequin 白諾賡/Bạch-nặc-canh và Tri phủ Lưu Xuân-lâm đã thương lượng và đồng ý chia biên giới Trung-Việt ở Vân Nam thành bốn đoạn để khảo sát biên giới và dựng cột mốc. Ngày 25/10 cùng năm, hai bên nhất trí về nguyên tắc cơ bản của việc dựng cột mốc. Công việc hoàn thành vào ngày 13/6/1897, và có tổng cộng 65 cột mốc được đặt ở khu vực giữa sông Long-po-ho 從龍膊/Thung-long-bạc và trại Yao-yen-tchay 至猺人/Chí Dao Nhân. Hai bên đã ký và ký tắt các biên bản khảo sát, các tài liệu liên quan đến các cuộc khảo sát chung và việc dựng các cột mốc còn sót lại từ thời kỳ sau khi ký Hiệp ước về Biên giới Vân Nam-Việt Nam giữa Trung Quốc và Pháp. Theo: <https://theme.npm.edu.tw/>.
- (44) Nguyên văn: Muong Tzeu – Có lẽ là cách gọi khác của Mong-tseu, phiên âm kiểu EFEO của Mengzi (蒙自/Mông Tự), một thành phố đông nam tỉnh Vân Nam (TQ), thủ phủ Châu Tự trị (tộc Di tộc Hà Nhì) Hồng Hà. Châu này giáp giới các tỉnh Lai Châu và Lào Cai (Việt Nam).
- (45) Phán quyết của Tướng [Henri-Nicolas] Frey. TG.
- (46) Quân đội Thuộc địa (Troupes Coloniales): Lực lượng quân đội Pháp có nhiệm vụ bảo vệ các thuộc địa của Pháp ngoài Bắc Phi thuộc Pháp; được hình thành khoảng năm 1900.
- (47) Có lẽ tác giả muốn nói đến Quân đội Nam Kỳ (Troupes de Cochinchine) do một tướng ba sao chỉ huy, lực lượng gồm 2 Lữ đoàn (2 Trung đoàn lính tập An Nam, 2 Trung đoàn bộ binh thuộc địa và 1 Trung đoàn pháo hỗn hợp, mỗi trung đoàn do một Đại tá chỉ huy). Campuchia thuộc phạm vi bảo vệ của lực lượng này. https://fr.wikisource.org/wiki/La_D%C3%A9fense_de_l'E2%80%99Indo-Chine.
- (48) Vùng quản lý của Đạo Quan binh số 3 (Lao Kay, một phần của tỉnh Tuyên Quang, Sơn Tây và Hưng Hóa) và số không phải là khu vực hoạt động chính của Đề Thám.
- (49) Régis Voyron (1838-1921): Sĩ quan người Pháp. Hoạt động tại Nam Kỳ (1864), Bắc Kỳ (1885-1887). Đại tá, Trung đoàn súng trường số 2 và là tướng hai sao (Général de brigade) chỉ huy quân đội Đông Pháp (1891).
- (50) Albert Sarraut (1872-1962): Chính khách Pháp, hai lần Toàn quyền Đông Dương (1911-1914 và 1917-1919), từng nói sẽ xét đến một tương lai độc lập cho xứ Đông Pháp.
- (51) Charles Mangin (1866-1925): Tướng người Pháp trong Thế chiến I, từng chỉ huy một tiểu đoàn ở Bắc Kỳ từ năm 1901 đến 1904.
- (52) Antony Klobukowski (1855-1934): Nhà ngoại giao Pháp, Toàn quyền Đông Dương (tháng 8/1908 - tháng 01/1911).
- (53) Albert Lebrun (1871-1950): Chính khách người Pháp, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa (1911-1912 và 1913-1914) và Tổng thống Cộng hòa Pháp (1932-1940).
- (54) Vụ “Hà thành đầu độc” ngày 27/6/1908.
- (55) Thời điểm ngày 16/6/1908, Phan Châu Trinh đã tố cáo sự khinh miệt mà người Pháp đối xử với người An Nam và viết: “Trong mắt các ông, chúng tôi chỉ là những kẻ hung bạo không có khả năng phân biệt đúng sai”. TG.
- (56) Bộ trưởng Bộ Thuộc địa giai đoạn 1914-1917.
- (57) Paul Beau (1857-1926): Nhà ngoại giao Pháp, Toàn quyền Đông Dương (1902-1908). Ông muốn cai trị thuộc địa theo kiểu chinh phục đạo đức chống lạm dụng hệ thống thuộc địa,

muốn người bản xứ có cơ hội đóng vai trò ngày càng tăng trên chính đất nước họ. Ông thiết lập mạng lưới trường học và y tế địa phương; khuyến khích tuyển dụng công chức bản địa. Năm 1906, Beau thành lập một “Phái bộ Đông Dương Thường trực” cử 40 quan lại sang Pháp để học các phương pháp hành chính. Ông chống lại Phong trào Đông Du bằng cách thành lập Đại học Đông Dương (1906); thành lập Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ và các Hội đồng tỉnh hạt, cho người Việt được bầu vào các hội đồng. Bị giới thực dân thuộc địa chống lại, Beau đã phải rời Đông Dương tháng 9/1908.

- (58) Jules-Antoine Bührer (1879-1965): Tướng Pháp, Tổng Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương (1936-1938).
- (59) Roger Trinquier (1908-1986): Sĩ quan Quân đội Pháp, tham gia Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất từ 1946, Thiếu tá chỉ huy GCMA từ đầu năm 1953; một nhà lý thuyết chống nổi dậy, chủ yếu là với cuốn sách *La Guerre moderne [Chiến tranh Hiện đại]* (Table Ronde, Paris, 1961).
- (60) Jean de Lattre de Tassigny (1889-1952): Nguyên soái nước Pháp (truy phong); Cao ủy, Tổng Tư lệnh ở Đông Dương và Tổng Tư lệnh Lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông (12/1950-11/1951).
- (61) William Westmoreland (1914-2005): Tướng bốn sao Lục quân Mỹ, Chỉ huy các lực lượng Mỹ trong Chiến tranh Việt Nam (1964-1968), Tham mưu trưởng Quân đội Mỹ (1968-1972).
- (62) Đơn vị thời gian giả tưởng – để tính lương hưu – được coi là tương đương một năm công tác. Số năm công tác thực tế sẽ được tăng lên nếu cần thiết (ví dụ, tùy thuộc vào vị trí, hoàn cảnh: nghĩa vụ quân sự, tham chiến tại mặt trận, v.v.), tương đương với *thâm niên*.
- (63) Xem Bulletin de l'ANAI, quý III/1992 và quý I/1995. TG.
- (64) Ernest Roume (1858-1941): Chính trị gia Pháp, Toàn quyền Đông Dương (1915-1916).
- (65) Salonica tức Thessaloniki: Một thành phố lớn của Ottoman, thuộc về Hy Lạp từ năm 1912. Thế Chiến I, năm 1915, một lực lượng viễn chinh lớn của Đồng minh (gồm quân Pháp) đã lập một căn cứ tại đây để tiến hành các chiến dịch chống lại Bulgaria thân Đức.
- (66) (Các) Quốc gia Liên kết gồm có: Quốc gia Việt Nam thành lập ngày 2/7/1949 do Cựu Hoàng Bảo Đại làm Quốc trưởng (1949-1955); Vương quốc Lào thành lập ngày 19/7/1949; và Vương quốc Campuchia thành lập ngày 8/11/1953.
- (67) Chưa tìm thấy thông tin về tác giả và cuốn sách này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Auguste Pavie: *À la conquête des coeurs et Rapports de mission 1879-1895*.
2. E. Cazimajou: Mémoire de fin de cours de l'École Nationale de la France d'Outre-Mer (1948): *Pavie et Pennequin, précurseurs de Gallieni*. Archives d'Outremer, Aix-en-Provence.
3. Mireille Le Van Ho: *Le général Pennequin et le projet d'armée jaune* (1911-1915). Bulletin de la Société d'Histoire d'Outremer (1988).
4. Feuillet et Couturier: *La politique du général Pennequin en Indochine* (1888-1913). Mémoire de maîtrise. Paris VII (1983).